TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …./2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/03/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn,con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Nhị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số …./2024/QĐXX- ST ngày 13 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* - Bà Lê Thị Q, sinh năm: 1971 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú:: Ấp 19, xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

* *Bị đơn:* - Ông Nguyễn Văn C, 56 tuổi *(Có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Ấp 19, xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C xây dựng hôn nhân cách nay gần 30 năm tuy nhiên đến năm 2010 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Hai vợ chồng bà có 04 người con chung gồm: Nguyễn Như Phượng, sinh năm: 1991; Nguyễn Thị Như, sinh năm: 1991 *(sinh đôi)*; Nguyễn Chí Thiện, sinh năm: 1995; Nguyễn Thị Huỳnh Chân, sinh năm: 2004. Tất cả đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Hai vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dân đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, con chung đã trưởng thành; Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Vợ chồng ông xây dựng hôn nhân cách nay gần 30 năm tuy nhiên đến năm 2010 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Hai vợ chồng bà có 04 người con chung gồm: Nguyễn Như Phượng, sinh năm: 1991; Nguyễn Thị Như, sinh năm: 1991 (sinh đôi); Nguyễn Chí Thiện, sinh năm: 1995; Nguyễn Thị Huỳnh Chân, sinh năm: 2004. Tất cả đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Hai vợ chồng ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông thường xuyên nhậu nhẹt đánh đập vợ con, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên nay không đồng ý ly hôn với bà Q, ông cam kết sẽ sửa đổi

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của ông C: Ông C không đồng ý ly hôn, ông trình bày bản thân còn thương vợ, ông yêu cầu được hàng ăn tình cảm vợ chồng

- Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Q đối với Nguyễn Văn C; Con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Q – ông Nguyễn Văn C, cùng ngụ tại địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn C xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa bà Q và ông C là hôn nhân hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Cả bà Q, ông C đều xác định trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc do đó Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống ông C thường xuyên nhậu nhẹt có hành vi bạo lực với bà Q; Tại phiên tòa ông C cho rằng bản thân còn thương vợ yêu cầu được hàn gắn nhưng trong suốt quá trình hai vợ chồng sống ly thân, cả hai đều có cuộc sống riêng, bản thân ông C cũng không tìm bà Q để hàn gắn tình cảm vợ chồng điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q – ông C đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q – ông C.

[3] *Về quan hệ con chung:* Hai vợ chồng bà có 04 người con chung gồm: Nguyễn Như Phượng, sinh năm: 1991; Nguyễn Thị Như, sinh năm: 1991 (sinh đôi); Nguyễn Chí Thiện, sinh năm: 1995; Nguyễn Thị Huỳnh Chân, sinh năm: 2004. Tất cả đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Q – ông C xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Q** đối với ông **Nguyễn Văn C**, xử cho ly hôn giữa bà Q và ông C.

2. Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Bà Lê Thị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005184 ngày 29/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nam